

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T C  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/DS-ST  
Ngày: 05 - 9 - 2022  
V/v *Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 603/2022/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1948; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ I, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị M:* Luật sư Nguyễn Thành L là cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ I, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Hoàng Thị M là nguyên đơn như sau:**

Vào ngày 30/4/2018 ông Trịnh Văn Đ (tên gọi khác là V) và vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm T (tên gọi khác là Thúy H) có vay của bà Hoàng Thị M số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, việc vay tiền có làm biên nhận, tuy nhiên do nhầm lẫn nên khi viết biên nhận nợ thì ghi là ngày 31/4/2018 là không chính xác, nay bà M khẳng định ngày viết biên nhận nợ là ngày 30/4/2018, thời hạn vay là 04 năm. Mục đích ông Đ, bà T vay tiền là để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Sau khi vay tiền, ông Đ và bà T có đóng lãi cho bà M đến ngày 30/4/2021 với số tiền bao nhiêu thì bà M không nhớ rõ. Từ đó cho đến nay, ông Đ và bà T chưa trả vốn và phần tiền lãi phát sinh.

Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải số tiền vốn 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 31/5/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 1%/tháng. Tại phiên tòa hôm nay bà Hoàng Thị M có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị M số tiền vốn 100.000.000 đồng, bà M rút lại yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa vị Trợ giúp viên pháp lý tham gia bảo vệ quyền và lợi ích của bà Hoàng Thị M thống nhất với đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Hoàng Thị M và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M.

***Anh Trịnh Văn Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T là đồng bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.***

#### **Quan điểm của vị Đ diện Viện kiểm sát:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Các đương sự từ khi thu lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt nên chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M. Buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho bà Hoàng Thị M số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi nên đề nghị đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện này.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà T.

Về quan hệ pháp luật: Bà Hoàng Thị M khởi kiện ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T để yêu cầu trả tiền vay. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng, bà Hoàng Thị M tự nguyện rút lại yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M, qua các tài liệu chứng cứ các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng vay tài sản giữa bà Hoàng Thị M với ông Trịnh Văn Đ (tên gọi khác là V) và bà Nguyễn Thị Cẩm T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thúy H) là có thật. Bởi khi vay tiền, hai bên tự nguyện làm hợp đồng bằng văn bản và có bà Lê Thị N, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp Phú Thọ I, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh là người chứng kiến. Số tiền vốn gốc bà M cho ông Đ, bà T vay là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận sau 04 năm kể từ ngày 30/4/2018 thì ông Đ, bà T sẽ trả đủ vốn. Tuy nhiên ông Đ, bà T không thực hiện đúng như thỏa thuận. Do đó, ông Đ, bà T đã vi phạm hợp đồng vay tiền như đã thỏa thuận với bà M, việc bà M khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T trả nợ vay là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét thấy ông Đ, bà T là vợ chồng, việc vay tiền cũng phục vụ cho nhu cầu của gia đình nên ông Đ, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà M số tiền vốn 100.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền lãi, theo đơn khởi kiện bà M có yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 1%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà M rút lại yêu cầu tính lãi. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phần yêu cầu tính lãi của bà M.

[6] Về án phí: Do bà Hoàng Thị M được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 275, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M. Buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Thị M số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Đình chỉ xét xử phần yêu cầu tính lãi kể từ ngày 31/5/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 1%/tháng của bà Hoàng Thị M.

**3. Về án phí:** Buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**Lê Thanh Tùng**